

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA VÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/DS-ST

Ngày 13 tháng 8 năm 2020

“*V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thuật và ông Nguyễn Văn Trình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hưng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2020. Tại Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội xét xử công khai, sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 30/2020/TLST - DS ngày 18 tháng 5 năm 2020. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST - DS ngày 20/7/2020 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 05/TB-TA ngày 31 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Phạm Quang T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội

2. *Bị đơn:* - Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1977;

- Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện Ba Vì, TP. Hà Nội.

Chị H2 ủy quyền cho anh H.

Anh T, anh H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phạm Quang T trình bày: Anh và vợ chồng anh H, chị H2 là người cùng xã. Trong thời gian từ tháng 11/2015 đến tháng 7/2016, anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H2 có nhiều lần lấy cắp cám và thức ăn chăn nuôi từ đại lý của gia đình anh.

Mỗi lần lấy cám và thức ăn chăn nuôi anh H và chị H2 đều ký vào sổ thanh toán của anh T. Anh H và chị H2 đã thanh toán được một số lần và nợ lại số tiền là 119.181.000 đồng. Anh đã nhiều lần yêu cầu anh H và chị H2 thanh toán số tiền trên nhưng anh H và chị H2 không thanh toán. Nay anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H và chị H2 có nghĩa vụ thanh toán cho anh số tiền 119.181.000 đồng là số tiền mua cám còn thiếu và tiền lãi trong thời gian chậm trả là 1,5%/ tháng tính trên số tiền gốc từ ngày 11/7/2016 đến khi anh H và chị H2 thanh toán hết số tiền gốc.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H2 trình bày: Vợ chồng anh chị có quan hệ với anh T là người cùng xã, anh T có đại lý bán cám ở địa phương. Từ năm 2014 đến năm 2017, anh chị có trông trang trại cho ông Nguyễn Mạnh H1 (sinh năm 1960) có vợ là bà Phạm Thị N (sinh năm 1965) địa chỉ tại số 124 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội. Ông H1 có nói với vợ chồng anh chị khi trông trang trại chủ động lấy thức ăn chăn nuôi, mỗi lần lấy thì ghi lại rồi ông H1 sẽ thanh toán, vì vậy nên anh chị có lấy cám và thức ăn chăn nuôi ở đại lý của anh T. Mỗi lần lấy anh chị đều ký vào sổ giao nhận của anh T. Khi anh T đến đòi tiền cám nợ thì anh chị đã cho anh T làm việc với ông H1 nhưng ông H1 vẫn khát lần, không thanh toán vì lý do đang khó khăn.

Nay anh T khởi kiện anh chị yêu cầu thanh toán số tiền nợ là 119.181.000 đồng và tiền lãi trong thời gian chậm trả với mức lãi suất là 1,5%/ tháng trên số nợ gốc, tính từ ngày 11/7/2016 đến khi thanh toán hết số tiền nợ gốc, anh chị không đồng ý thanh toán vì anh chị chỉ đi lấy hộ cám cho ông H1, toàn bộ số cám và thức ăn chăn nuôi đều sử dụng cho trang trại của ông H1 nên anh chị không có nghĩa vụ phải thanh toán.

Tòa án đã xác minh địa chỉ của ông Nguyễn Mạnh H1 theo địa chỉ anh H và chị H2 cung cấp. Tại biên bản xác minh ngày 14/7/2020 tại Công an phường Dịch Vọng H2, quận Cầu Giấy cho biết: Ông Nguyễn Mạnh H1 và vợ là bà Phạm Thị N không cư trú tại phường Dịch Vọng H2, quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội. Trước đây ông H1 có thuê địa chỉ 124 đường Xuân Thủy, quận Cầu Giấy làm văn phòng Công ty Trách nhiệm hữu hạn P. Hiện địa chỉ trên đang là công trường xây dựng Mipex Xuân Thủy. Từ năm 2019 đến nay Công ty TNHH P và ông H1, bà N không còn sinh sống hay hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn phường.

* Tại phiên tòa, anh T đề nghị: Buộc anh H chị H2 trả số tiền 119.181.000 đồng mua cám và tiền lãi theo quy định.

Anh H vẫn giữ nguyên quan điểm.

- Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ **Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ **Về nội dung vụ án:** Chấp nhận yêu cầu của anh T về đòi nợ số tiền 119.181.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu tiền lãi.

+ Về án phí: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì yêu cầu khởi kiện là quan hệ tranh chấp về “Hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật dân sự 2005, anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H2 là bị đơn có nơi cư trú tại xã L, huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội. Như vậy, theo quy định tại Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

[2] Xem xét yêu cầu của nguyên đơn: Anh Phạm Quang T đề nghị Tòa án xem xét buộc anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H2 trả số tiền nợ mua cám là 119.181.000 đồng. Căn cứ sổ theo dõi mua cám, bản tự khai của anh T, biên bản lấy lời khai của anh H và chị H2, biên bản đối chất của anh H và chị H2 có căn cứ xác định trong thời gian từ tháng 11/2015 đến tháng 07/2016, anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H2 đã nhiều lần mua cám và thức ăn chăn nuôi tại cửa hàng của gia đình anh T, đến ngày 11/7/2016 các bên đã chốt nợ là 119.181.000 đồng. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Quang T là có căn cứ.

Về việc anh H, chị H2 trình bày chỉ lấy cám hộ cho ông Nguyễn Mạnh H1. Anh H và chị H2 không trình bày được căn cứ chứng minh cho việc ông H1 thỏa thuận với anh T mua cám vợ chồng anh chị chỉ lấy hộ. Tòa án đã tiến hành xác minh nhưng ông H1 không có tại địa chỉ mà anh H chị H2 cung cấp, anh H chị H2 không cung cấp được địa chỉ nào khác. Mặt khác lời khai của anh T và các chứng cứ đã đầy đủ cơ sở để xác định anh H chị H2 đã mua cám của anh T. Việc anh H chị H2 có giao cám cho ông H1 để chăn nuôi anh H chị H2 sẽ khởi kiện đối với ông H bằng vụ án dân sự khác

Về lãi suất trong thời gian chậm trả: Anh Phạm Quang T yêu cầu buộc anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H2 trả tiền lãi theo quy định. Yêu cầu trả tiền lãi trong thời gian chậm trả của anh H là có căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 440 BLDS. Theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS mức lãi suất do các bên không thỏa thuận là 10%/năm. Như vậy số tiền lãi trong thời gian chậm trả được xác định từ ngày 11/7/2016 đến ngày 13/8/2020 là : 48.815.231 đồng

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H2 phải chịu án phí theo quy định: $(119.181.000 \text{ đồng} + 48.815.231 \text{ đồng}) \times 5\% = 8.399.000 \text{ đồng}$. Hoàn trả anh T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Các các Điều 430, 433, 440, 357, 468 Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Quang T.
2. Buộc anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H2 phải trả cho anh Phạm Quang T số tiền 167.996.231 đồng (Một trăm sáu mươi bảy triệu chín trăm chín mươi sáu ngàn hai trăm ba một đồng) bao gồm: 119.181.000 đồng tiền gốc nợ mua cám; 48.815.231 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh H, chị H2 không tự nguyện thi hành thì phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H2 phải chịu 8.399.000 đồng (Tám triệu ba trăm chín mươi chín ngàn) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Phạm Quang T không phải chịu án phí , được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 4.535.000 đồng (Bốn triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn đồng) anh T đã nộp theo biên lai số: AA/2012/00010 ngày 18/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội
- Viện KSND H. Ba Vì, TP. Hà Nội;
- Người tham gia tố tụng
- Chi cục THADS H. Ba Vì;
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Trọng Đức